TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 12 – 5 – 2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2021/TLST –DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26A/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X: Ông H, sinh năm 1968; chức vụ: Tổ trưởng Phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Chi nhánh Quận M; địa chỉ: Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo các văn bản ủy quyền số 285/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 và số 13/2020/ EIBQ4/UQ-GĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020), (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đỗ P**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng là ông H trình bày:

Vào ngày 03/10/2013, ông P có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Chi nhánh Quận M -Thành

phố Hồ Chí Minh, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, hạn mức rút tiền mặt 4.000.000 đồng; thời hạn sử dụng thẻ 03 năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ là ngày 08/10/2013 ông P đã rút số tiền 34.155.968 đồng. Đến ngày 06/8/2016, ông P đã thanh toán số tiền 40.651.618 đồng, trong đó tiền gốc đã trả 28.530.429 đồng, lãi (phí tài chính) là 9.741.300 đồng, phí trễ hạn 439.889 đồng và phí thường niên, SMS (tin nhắn) là 1.940.000 đồng. Hiện ông P còn nợ tiền gốc 5.625.539 đồng. Tính đến ngày 07/3/2022, ông P còn nợ lãi là 18.880.591 đồng, phí trễ hạn thanh toán là 25.585.317 đồng, phí vượt hạn mức là 2.471.002 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán tiền nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 07/3/2022 là 52.562.449 đồng, trong đó nợ gốc 5.625.539 đồng, nợ lãi 18.880.591 đồng, phí vượt hạn mức 2.471.002 đồng, phí trễ hạn 25.585.317 đồng; và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 08/3/2022 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Đỗ P từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà ông P nhưng không lấy lời khai được do không có ở nhà nên Tòa án không có lời khai của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, buộc ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 5.625.539 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/3/2022 là 18.880.591 đồng, phí vượt hạn mức 2.471.002 đồng, phí trễ hạn 25.585.317 đồng; tổng cộng gốc, lãi và phí là 52.562.449 đồng; và tiền lãi quá hạn, phí phát sinh từ ngày 08/3/2022 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Về án phí, ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Đỗ P thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng là tranh chấp về hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế thể hiện nơi làm việc của ông P tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T, địa chỉ, Phường R, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú của ông P tại ấp T, xã L, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Vào ngày 02/11/2020, Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 07/12/2020, ông Lê X là Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T xác định ông P không làm việc tại Công ty. Do đó, Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện

Vĩnh Lợi để giải quyết theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 206/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 16/12/2021, Công an xã L, huyện V xác định ông P vẫn đăng ký thường trú tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, không có thông tin chuyển khẩu đi nơi khác. Do vậy, việc ông P thay đổi địa chỉ mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X cũng như chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông P có địa chỉ ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông P ký Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Chi nhánh Quận M -Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/10/2013, thời hạn sử dụng thẻ 03 năm nên đến ngày 03/10/2016 là hết thời hạn thanh toán hợp đồng. Nhưng đến ngày 08/10/2020, Ngân hàng mới nộp đơn khởi kiện là hết thời hiệu 03 năm theo quy định Điều 429 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*". Thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, ông P không có ý kiến về thời hiệu khởi kiện nên ông P đã từ bỏ quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án.

[3] Về tố tụng: Ông H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông P vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thông và ông P.

[4] Về nội dung: Tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 03 tháng 10 năm 2013 giữa ông P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Chi nhánh Quận M -Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện hạn mức tín dụng Ngân hàng đồng ý phê duyệt là 20.000.000 đồng.

[4.1] *Tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau*: "Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ", *và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau:* "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ".

[4.2] Theo Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, tại tiểu mục (i) mục 2.1 Điều 2 quy định trách nhiệm của chủ thể: "Chấp nhận các giao dịch thẻ đã thực hiện và thanh

toán đúng hạn, đầy đủ toàn bộ số dư nợ được chỉ định trong sao kê ngay cả đối với các trường hợp vì lý do nào đó mà Eximbank không thể gửi sao kê đến cho chủ thẻ" .

[4.3] Đối chiếu theo Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của ông P có số thẻ VC633509 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, thể hiện tính đến ngày 07/3/2022, số tiền ông P thực hiện giao dịch là 34.155.968 đồng, đã thanh toán 28.530.429 đồng, còn nợ tiền gốc 5.625.539 đồng. Xét thấy, ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ gốc số tiền 5.625.539 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu số tiền lãi và phí của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X;

[5.1] *Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau*: Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[5.2] Căn cứ vào Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, tại Điều 7 quy định các loại phí dịch vụ mà chủ thẻ phải thanh toán trong đó có phí tài chính (lãi vay), phí thanh toán trễ hạn và phí sử dụng vượt hạn mức. Đối chiếu Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của ông P, thể hiện tính đến ngày 07/3/2022 thì tiền lãi quá hạn là 18.880.591 đồng, phí vượt hạn mức 2.471.002 đồng, phí trễ hạn 25.585.317 đồng. Xét thấy, việc Ngân hàng yêu cầu ông P trả lãi quá hạn và tiền phí là phù hợp với quy định pháp luật và những căn cứ đã viện dẫn nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng cộng nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 07/3/2022 là 52.562.449 đồng, trong đó nợ gốc 5.625.539 đồng, nợ lãi 18.880.591 đồng, phí vượt hạn mức 2.471.002 đồng, phí trễ hạn 25.585.317 đồng, buộc ông P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền gốc, lãi và phí tính đến ngày 07/3/2022 là 52.562.449 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 08/3/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

[7] Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông P phải chịu 5% của số tiền 2.628.122 đồng do được Tòa án chấp nhận là 52.562.449 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã nộp số tiền 441.794 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0032573 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 441.794 đồng.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1

Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với ông Đỗ P về tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Buộc ông Đỗ P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, Chi nhánh Quận G - Thành phố Hồ Chí Minh nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền gốc, lãi, phí tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2022 là 52.562.449 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 5.625.539 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi 18.880.591 đồng (Mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi mốt đồng), phí vượt hạn mức 2.471.002 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm lẻ hai đồng), phí trễ hạn 25.585.317 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười bảy đồng).

3. Kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2022, ông Đỗ P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, Chi nhánh Quận G - Thành phố Hồ Chí Minh nhận theo hợp đồng đã ký kết) cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì lãi suất mà ông Đỗ P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đỗ P phải chịu số tiền 2.628.122 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã nộp số tiền 441.794 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0032573 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 441.794 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo